

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 3956/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-KTNS ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo các định mức chi theo quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích áp dụng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chi tiết tại phụ lục 1).

2. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

a) Chi hội nghị, công tác phí, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài; mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; chế độ chi tiết tiếp khách trong nước tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng và Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

b) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học (chi tiết tại phụ lục 2).

3. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm, Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

4. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chi tiết tại phụ lục 3).

5. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 210 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tối đa không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 4. Nội dung, mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi tiền thù lao của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (chi tiết tại phụ lục 4).

2. Chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chi tiết tại phụ lục 5).

3. Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND và Thông tư số 102/2012/TT-BTC.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 5 năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm THDL và CDS tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Phúc



Phụ lục 1

Chi thủ lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ
(Kèm theo Nghị quyết số 418/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Người/tháng	28.000	20.000
2	Thư ký khoa học	Người/tháng	8.400	6.000
3	Thành viên chính	Người/tháng	22.400	16.000
4	Thành viên	Người/tháng	11.200	8.000
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Người/tháng	5.600	4.000

us



Phụ lục 2

Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học
(Kèm theo Nghị quyết số 418/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.400	1.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	350	250
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.100	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.050	750
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên	210	150

Ư



Phụ lục 3

Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
(Kèm theo Nghị quyết số 418/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi hợp hội đồng	Nhiệm vụ		
a	Chủ tịch hội đồng	Thành viên	630	450
b	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng	Thành viên	525	375
c	Thư ký khoa học	Thành viên	105	75
d	Thư ký hành chính	Thành viên	105	75
đ	Đại biểu được mời tham dự	Thành viên	70	50
2	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu		
a	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Phiếu	245	175
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	Phiếu	350	250

lưu



Phụ lục 4

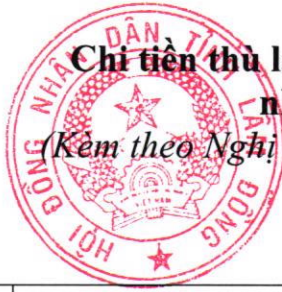
Chi tiêu thù lao của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ
(Kèm theo Nghị quyết số 418/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
I	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
a	Chủ tịch hội đồng	Thành viên	1.050	750
b	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng	Thành viên	700	500
c	Thư ký khoa học	Thành viên	210	150
d	Thư ký hành chính	Thành viên	210	150
đ	Đại biểu được mời tham dự	Thành viên	140	100
2	Chi nhận xét đánh giá			
a	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Phiếu	350	250
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng	Phiếu	490	350
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
a	Chủ tịch hội đồng	Thành viên	490	350
b	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng	Thành viên	350	250
II	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
a	Chủ tịch hội đồng	Thành viên	1.260	900
b	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng	Thành viên	1.050	750
c	Thư ký khoa học	Thành viên	210	150
d	Thư ký hành chính	Thành viên	210	150
đ	Đại biểu được mời tham dự	Thành viên	140	100
2	Chi nhận xét đánh giá			
a	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Phiếu	490	350
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	Phiếu	700	500
III	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
a	Chủ tịch hội đồng	Thành viên	1.260	900
b	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng	Thành viên	1.050	750
c	Thư ký khoa học	Thành viên	210	150
d	Thư ký hành chính	Thành viên	210	150
đ	Đại biểu được mời tham dự	Thành viên	140	100
2	Chi nhận xét đánh giá			
a	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Phiếu	490	350
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng	Phiếu	700	500
IV	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.050	750





Phụ lục 5

Chi tiền thù lao của của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

(Kèm theo Nghị quyết số 418/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	500
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	490	350
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	210	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140	100

W